TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1594/2022/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 12 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1765/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn T H; Địa chỉ: Số 600/33 đường Q T, Phường M1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn N L; Địa chỉ: Số 140/7/4 tổ 36, khu phố 2, phường A P Đ, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa Ông Nguyễn N L và Bà Nguyễn T H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyển số 01 ngày 29/11/2002 của Ủy ban nhân dân phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 06/9/2022; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/9/2022; ông Lvà bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; có 02 con chung tên Nguyễn T H , sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn N H, sinh ngày 23/01/2008; giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn T H; giao cho ông Lt rực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn N H; cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Lvà bà H tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn N L và Bà Nguyễn T H tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63 quyển số 01 ngày 29/11/2002 của Ủy ban nhân dân phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương cấp cho Ông Nguyễn N L và Bà Nguyễn T H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn N L và Bà Nguyễn T H có 02 con chung tên Nguyễn T H, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn N H, sinh ngày 23/01/2008.

Giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn T H.

Giao cho ông Ltrực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn N H.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận.

Bà H và ông Lcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Lvà bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lvà bà H xác định không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn 300.000 đồng, ông Lvà bà H phải nộp, nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0012177 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lvà bà H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND quận G;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thùy Trang